TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/DSST.
Ngày: 21/8/2017.
V/v: "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Trần Hoàng Liên.
2.Bà Bùi Thị Út.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2017/TLST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc: "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1946 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1979 (Có mặt).
Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.
Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Ho, sinh năm: 1966(Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 3, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1965 (vắng mặt).
2. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1968 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.
3. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Ni, tỉnh Ninh Thuận.
4. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.
5. Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm: 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
6. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1977(vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Kh, thị trấn Kh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

7. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.

8. Ông Nguyễn Xuân Hỷ, sinh năm: 1981(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

9. Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, phường V, thành phố Ph, tỉnh Ninh Thuận.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 và tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông Nguyễn Th và bà Dương Thị T là vợ chồng và có với nhau 10 người con gồm: Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Xuân Ho, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim Ph, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H và Nguyễn Xuân Th.

Ông Nguyễn Th chết năm 2005 không để lại di chúc. Nguồn gốc thửa đất số 204, tờ bản đồ địa chính số 19 có diện tích 195,3m^2 tọa lạc tại khu phố 6, phường V, là tài sản của ba mẹ chồng bà T tên Trần Thị Ch tặng cho vợ chồng bà T bằng miệng không lập giấy tờ. Sau đó thì ông Th, bà T xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 53,5m^2 trên thửa đất để ở cho đến nay.

Vì bà T có nhu cầu vay vốn ngân hàng và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Xuân Ho không đồng ý. Do đó bà Dương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật ½ di sản của ông Th để lại là ½ trị giá 01 căn nhà cấp 4 gắn liền ½ diện tích thửa đất số 204 (1/2 tài sản còn lại là tài sản riêng của bà T, bà T để lại để quản lý sử dụng). Nếu được chia thừa kế thì bà T yêu cầu được nhận căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 204 để ở vì bà T không có nhà, đất nào khác. Kỷ phần chia thừa kế bà Th, bà M, bà A, bà M, bà Ph, bà L, ông H, ông H và ông Th nhường cho bà thì bà đồng ý nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Ho trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 204, tờ bản đồ địa chính số 19 có diện tích 195,3m^2 tọa lạc tại khu phố 6, phường V là tài sản của ông bà nội ông tên Nguyễn Kim Đ, Trần Thị Ch (Đã chết) để lại, trên đất có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 để ở có diện tích 53,5m^2 là tài sản của ông Nguyễn Th, bà Dương Thị T, sau khi ông bà nội chết thì ông Th, bà T quản lý sử dụng. Ông Nguyễn Th, bà Dương Thị T có 10 người con như nguyên đơn trình bày; Ông Th chết năm 2005 không để lại di chúc, nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật ½ di sản của ông Th để lại là ½ trị giá 01 căn nhà cấp 4 gắn liền ½ diện tích thửa đất số 204 thì ông không đồng ý, ông đã có nhà ở ổn định, nhưng ông yêu cầu để lại căn nhà làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim Ph, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Xuân H và Nguyễn Xuân Th trình bày:** Các ông bà là con ruột của ông Nguyễn Th, bà Dương Thị T. Ông Nguyễn Th chết năm 2005 không để lại di chúc. Nguồn gốc căn nhà cấp 4 gắn liền

với thửa đất số 204 có diện tích 195,3m^2 là tài sản của ông Th, bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật ½ di sản của ông Th để lại là ½ trị giá 01 căn nhà cấp 4 gắn liền ½ diện tích thửa đất số 204 (1/2 tài sản còn lại là tài sản riêng của bà T thì bà T để lại để quản lý sử dụng) và bà T yêu cầu được nhận căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa 204 để ở vì bà T không có nhà nào khác thì các ông bà đều đồng ý. Các ông bà nếu được nhận kỷ phần chia thừa kế thì đều đồng ý nhường hết cho bà T.

Kiểm sát viên phát biểu việc kiểm sát về thủ tục tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, thư ký tòa án và hội đồng xét xử về thụ lý xét xử sơ thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 26, 239, 249 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật" theo quy định tại Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp.Phan Rang – Tháp Chàm.

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận trong quá trình sống chung bà T và ông Th tạo lập 1 căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất 204, diện tích 195,3m2 tờ bản đồ địa chính 2014 phường V, thành phố Ph. Như vậy di sản của ông Th chết để lại là giá trị ½ căn nhà nằm trên thửa đất 204, diện tích 195,3m2 tờ bản đồ địa chính 2014 phường V, thành phố Pha. Do đó yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà T là có cơ sở. Tài sản chung trị giá 99.019.386 đồng. Phần di sản của ông Th để lại chưa chia là: 49.509.693 đồng (99.019.386 đồng : 2). Những người được chia thừa kế theo pháp luật của ông Th gồm 11 người: Bà T, bà Th, ông Ho, bà M, bà A, bà M, bà Ph, bà L, ông H, ông H và ông Th. Mỗi người sẽ được nhận: 4.500.881 đồng.

Đề nghị HĐXX căn cứ điều 611, 623, 649, 650, 651 của BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà T đối với di sản của ông Th chết để lại và chấp nhận yêu cầu xin nhận di sản bằng hiện vật của bà T vì bà T có nhu cầu về chỗ ở và tài sản riêng của bà và kỷ phần thừa kế được nhận là 94.518.505 đồng. Giao cho bà T đươc quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền thửa đất 204, tờ bản đồ địa chính 2014, diện tích 195,3m2, trên đất có một căn nhà cấp 4 và toàn bộ vật kiến trúc cây trồng trên đất tọa lạc phường V, thành phố Ph(những tài sản trên thửa đất được thể hiện tại biên bản đo đạt định giá ngày 30/6/2017) . Bà T có trách nhiệm hoàn lại kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Xuân Ho số tiền 4.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng xác nhận: Ông Nguyễn Th và bà Dương Thị T là vợ chồng và có với nhau 10 người con gồm: Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Xuân Ho, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim Ph, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn

Xuân H Nguyễn Xuân H và Nguyễn Xuân Thả. Ông Nguyễn Th chết năm 2005 không để lại di chúc. Tài sản chung của ông Th, bà T là 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 204, tờ bản đồ địa chính số 19 có diện tích 195,3m^2 tọa lạc tại khu phố 6, phường V, TP. Ph, tỉnh Ninh Thuận. Vị trí tứ cận thửa đất số 204:

- Phía Đông giáp thửa 203 và thửa 207;

- Phía Tây giáp thửa 205;

- Phía Bắc giáp đường đi;

- Phía Nam giáp thửa 206 và đường đi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật ½ di sản của ông Th để lại là ½ trị giá 01 căn nhà cấp 4 gắn liền ½ diện tích thửa đất số 204; Bị đơn ông Nguyễn Xuân Ho không đồng ý yêu cầu khởi kiện, ông Hog yêu cầu để lại căn nhà làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; Nhưng bà T và những người có quyền lợi liên quan đều không đồng ý, ông Th chết cũng không có di chúc để lại căn nhà làm nơi thờ cúng, nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự "Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật".

Xét thấy: Tài sản chung của ông Th, bà T gồm: Thửa đất ở số 204, diện tích 195,3m^2 theo tờ bản đồ số 19 phường V, tọa lạc tại Khu phố 6, phường V, thành phố Ph; Căn cứ quyết định số: 106/2014/QĐ – UBND, ngày 29/12/2014 về việc ban hành bảng giá các loại đất thời kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trị giá: 195,3m^2 x 190.000đ/m^2 = 37.107.000 đồng.

01căn nhà cấp 4, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền thửa đất số 204: Căn cứ quyết định số: 89/2016/QĐ – UBND, ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận, quy định giá nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, để áp giá các tài sản gắn liền trên đất và Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND, ngày 04/4/2016 về việc ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trị giá: 61.912.386 đồng (60.424.386 đồng + 260.000 đồng + 1.228.000 đồng).

Tổng trị giá tài sản chung của ông Th, bà T là: 99.019.386 đồng. Phần di sản của ông Th để lại chưa chia là: 49.509.693 đồng (99.019.386 đồng : 2). Những người được chia thừa kế theo pháp luật của ông Th hàng thứ nhất gồm 11 người: Bà T, bà Th, ông Ho, bà M, bà A, bà M, bà Ph, bà L, ông H, ông H và ông Th. Mỗi người sẽ được nhận: 4.500.881 đồng (**49.509.693** đồng : 11). Trong quá trình giải quyết bà Th, bà M, bà A, bà M, bà Ph, bà L, ông H, ông H và ông Th đều nhường kỷ phần thừa kế cho bà T, bà T đồng ý nhận. Do vậy phần tài sản riêng và kỷ phần thừa kế của bà T được nhận là: 94.518.505 đồng (**49.509.693** đồng + **(**4.500.881 đồng x 10)).

Hiện bà Dương Thị T đang quản lý sử dụng 01 căn nhà cấp 4, vật kiến trúc khác và cây trồng gắn liền với thửa đất số 204, bà T không có nhà ở và đất ở nào khác, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đồng ý cho bà T được sở hữu nhà ở, với lại khi chia thừa kế thì bà T được phần lớn tài sản, trong khi ông Ho có nhà ở riêng và không yêu cầu nhận nhà để ở. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nhận hiện vật của bà T, bà Dương Thị T được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4, vật kiến trúc khác và cây trồng gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số

204. Bà T phải hoàn lại kỷ phần chia thừa kế với số tiền 4.500.881 đồng cho ông Nguyễn Xuân Ho.

Về án phí: Bà T phải chịu 2.250.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ho phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá: Bà T đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá 1.511.547 đồng (Bà T đã nộp đủ chi phí định giá)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 147, 104, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế giữa bà Nguyễn Thị Kim Th, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim M, bà Nguyễn Thị Kim Ph, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Xuân H, ông Nguyễn Xuân Th với bà Dương Thị T.

Bà Dương Thị T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4, vật kiến trúc khác và cây trồng gồm: 01 căn nhà cấp 4B cao 01 tầng, tường quét vôi, nền xi măng, cửa gỗ, mái ngói; kích thước: 5,8m x 6,1m = 35,38m^2; Nhà cấp 4C cao 01 tầng, tường quét vôi, nền xi măng, mái tole; kích thước: 05m x 4,3m = 21,5m^2; Sân xi măng, kích thước: 3,2m x 2,5m = 08m^2; Sân gạch thẻ + xi măng; kích thước: 06m x 3,2m = 19,2m^2; Sân gạch táp lô; kích thước: 8,4m x 4m = 33,6m^2; Mái che tole khung gỗ tạp, kích thước: 06m x 3,2m = 19,2m^2; Tường xây gạch táp lô cao 1,5m, có 08md; Trụ cổng xây gạch; kích thước: (0,3m x 0,3m x 1,8m) x 02 Trụ = 0,324m^3; Cổng sắt; kích thước: 1,8m x 1,2m = 2,16m^2; Giếng nước Ø 01m có 07bi; Nhà vệ sinh cấp 4C, tường xây gạch, nền xi măng cửa gỗ mái tole; kích thước: 01m x 02m = 02m^2; Hàng rào lưới B40 cao 1,5m có 20md; 01 Đồng hồ nước; 02 cây mãng cầu thu hoạch gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 204, diện tích 195,3m^2 theo tờ bản đồ số 19 phường V, thành phố Ph tọa lạc tại Khu phố 6, phường V, thành phố Ph hiện do bà Dương Thị T đang quản lý sử dụng. Vị trí tứ cận thửa 204:

- Phía Đông giáp thửa 203 và thửa 207;
- Phía Tây giáp thửa 205;
- Phía Bắc giáp đường đi;
- Phía Nam giáp thửa 206 và đường đi.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 2659 ngày 20/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Phan Rang – Tháp Chàm).

Bà Dương Thị T hoàn trả số tiền 4.500.881 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn tám trăm tám mươi mốt đồng) cho ông Nguyễn Xuân Ho.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo theo điều 357, 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí định giá: Bà T đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá 1.511.547 đồng (Bà T đã nộp đủ chi phí định giá)

Về án phí: Bà T phải chịu 2.250.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số: 0012917, ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà T còn phải chịu 1.950.400 đồng.

Ông Ho phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Anh Nga